

dục, văn hoá và xã hội phải dựa trên những cơ sở vật chất nhất định. Đó là các giải pháp điện, đường, trường, trạm, nước sạch sinh hoạt và xoá đói giảm nghèo.

### 3.3. Một số giải pháp phát triển đột phá

- Phát triển kinh tế hộ gia đình (KTHGD):

Trong các vấn đề phát triển bền vững chúng ta phải giải quyết, đồng bộ các mối quan hệ: bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển kinh tế, các lĩnh vực xã hội. Hộ gia đình chính là cầu nối, là sự thu nhỏ ba mối quan hệ đó. Tác động vào khâu này, chúng ta sẽ thay đổi tình hình. Do vậy điểm đột phá bắt đầu từ đây, coi đó là một trong các giải pháp đột phá quan trọng hàng đầu trong điều kiện hiện nay của tỉnh Thái Nguyên.

- Du lịch sinh thái nhân văn: Tỉnh Thái Nguyên có khá nhiều lợi thế cơ bản về tài nguyên du lịch sinh thái và nhân văn. Kinh tế du lịch sẽ đem lại nguồn thu lớn nhưng trước hết đồng bào dân tộc phải chuẩn bị một số sản phẩm hàng hoá đặc trưng của dân tộc mình và những đặc sản đặc trưng của tỉnh Thái Nguyên để thích ứng với khách hàng. Sức hút cơ bản của các tuyến du lịch, nhánh du lịch của Thái Nguyên là sinh thái miền núi: đá, hang động, hồ tự nhiên và nhân tạo, rừng và bản sắc dân tộc độc đáo của các dân tộc Mông, Dao, Tày, Nùng... với những lễ hội phong phú và các di tích lịch sử nổi tiếng.

## 4. KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững vì mục đích cải thiện chất lượng cuộc sống và khắc phục những khó khăn trở ngại trong công cuộc phát triển cho cộng đồng các dân tộc tỉnh Thái Nguyên là rất quan trọng. Trong đó giải pháp đột phá có tầm quan trọng hàng đầu trong việc cải thiện và từng bước nâng cao đời sống các dân tộc trong cộng đồng dân cư tỉnh Thái Nguyên.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cục thống kê Thái Nguyên, Niên giám thống kê tỉnh 2002, NXB thống kê HN.
- [2]. Lưu Đức Hải – Nguyễn Ngọc Sinh, Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững, NXB Đại học quốc gia Hà Nội – 2001.
- [3]. Dương Quỳnh Phương, Phân tích chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Thái Nguyên, Tạp chí khoa học và công nghệ- Đại học Thái Nguyên, số 3/2003.
- [4]. Dương Quỳnh Phương, Cộng đồng các dân tộc với việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên, Luận văn thạc sĩ, HN 1998.
- [5]. Tỉnh uỷ Thái Nguyên, Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong sản xuất nông lâm nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên, Thái Nguyên 1998.
- [6]. UBND tỉnh Thái Nguyên, Dự án tổng quan: Phát triển KTXH vùng miền núi dân tộc, định canh định cư và kinh tế mới tỉnh Thái Nguyên Thời kỳ đến năm 2010.

# **PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN NGHÈO ĐÓI CỦA HỘ GIA ĐÌNH NÔNG DÂN MIỀN NÚI TỈNH THÁI NGUYÊN**

**TS. Trần Chí Thiên,  
ThS. Nguyễn Quang Hợp**  
*Trường Đại học Kinh tế &  
Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên*

## **SUMMARY**

### **Analysing reasons for poverty of households in mountainous areas of Thai Nguyen province**

Poverty is a concept that changes according to space and time, and departure point of each region or each nation. In order to assess poverty rate of households, we use some norms such as average income per head, total assets value for living, average spend, etc. From research results, we came to the following conclusions: Firstly, in respect of means of living, living standard of people in the mountainous areas of Thai Nguyen province has a great difference between poor households and not poor households. Secondly, there is also a big difference of assets equipping rate for living between two districts that have different condition of geographical position. The main reasons for the poverty of households are capital shortage; the lack of cultivation land, lack of knowledge of production, equipments for production and lack of labour in seasonal time. 57% of average income changes are under the influence of factors such as average age of households, the number of households' members, agricultural land area. According to analysis of reasons for poverty, we put forward some solutions to poverty as follows: continuing to develop more effectively population policy and family planning policy; intensifying intensive cultivation and increase the number of crops, raising land productivity. It is necessary to have policies that help people to develop forestry, combine family-based economy and forest economy; plan to develop sideline and small scale industry suitable for the region; provide credits for people more effectively; and organize technical training courses for the farmers.

## **1. NGHÈO ĐÓI VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

Nghèo đói là một khái niệm mang tính chất động, biến đổi tùy thuộc vào không gian, thời gian và xuất phát điểm của mỗi địa phương hay quốc gia. Hội nghị chống đói nghèo Khu vực Châu Á Thái Bình Dương do ESCAP tổ chức tại Băng Cốc Thái Lan, 1993 đã chỉ rõ: nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thoả mãn các nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu này đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế xã hội và phong tục tập quán từng địa phương.

Đối với Việt Nam, để phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nghèo đói được phát biểu như sau:

Nghèo, là tình trạng một bộ phận dân cư chỉ có khả năng thoả mãn một phần các nhu cầu cơ bản của con người và có mức sống ngang bằng mức sống tối thiểu của cộng đồng xét trên mọi phương diện.

Đói, là tình trạng một bộ phận dân cư nghèo, có mức sống dưới mức tối thiểu, không đảm bảo nhu cầu vật chất để duy trì cuộc sống.

Từ các khái niệm cho thấy tiêu chí để đánh giá nghèo đói chính là mức chi tiêu nhằm đáp ứng nhu cầu tối thiểu của cuộc sống hay là thu nhập nhằm đáp ứng chi tiêu tối thiểu đó.

Ở Việt Nam hiện nay đang sử dụng 2 hệ thống chỉ tiêu đánh giá nghèo đói: Một là chỉ tiêu của Tổng cục Thống kê xác định ngưỡng nghèo dựa trên chi phí cho một giỏ tiêu dùng bao gồm lương thực và phi lương thực, trong đó chi tiêu cho lương thực phải đảm bảo đủ 2.100 kcalo/người/ngày. Hai là chỉ tiêu của Bộ Lao động Thương binh Xã hội, xác định chuẩn nghèo dựa trên thu nhập bình quân của hộ.

Hệ thống chỉ tiêu đánh giá theo chi tiêu có ưu điểm là đánh giá nghèo đói trong suốt quá trình; có thể đem so sánh quốc tế; đánh giá nghèo đói theo chi tiêu đảm bảo tính khách quan và chính xác hơn.

Hệ thống chỉ tiêu đánh giá theo thu nhập có ưu điểm: dễ tính toán. Tuy nhiên nó cũng có nhược điểm: tính chính xác không cao; không thể so sánh giữa các thời kỳ, so sánh quốc tế.

## 2. PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN NGHÈO ĐÓI CỦA HỘ NÔNG DÂN MIỀN NÚI TỈNH THÁI NGUYÊN

Thái Nguyên là một tỉnh miền núi, cửa ngõ của khu vực miền núi phía bắc, là nơi giao lưu kinh tế, văn hoá - xã hội giữa các tỉnh với các trung tâm kinh tế lớn như: Hà Nội, đồng bằng Bắc Bộ. Trong những năm qua, tình hình kinh tế - xã hội Thái Nguyên đã có những bước phát triển đáng kể, đời sống của người dân không ngừng tăng lên. Tuy nhiên, nghèo đói vẫn là một vấn đề cần quan tâm của địa phương, đặc biệt là khu vực miền núi phía bắc của tỉnh, nơi có điều kiện khó khăn về cơ sở hạ tầng, điều kiện giao lưu kinh tế và là nơi tập trung phần lớn đồng bào dân tộc. Để nghiên cứu rõ hơn tình hình nghèo đói và nguyên nhân dẫn đến nghèo đói của hộ, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 400 hộ gia đình trên địa bàn 2 huyện Định Hoá và Phú Lương của tỉnh Thái Nguyên với kết quả như sau:

## 2.1. Thực trạng tình hình nghèo ở khu vực nghiên cứu

**Bảng 1. Thực trạng nghèo đói của các hộ nông dân**

*ĐVT: 1000đ*

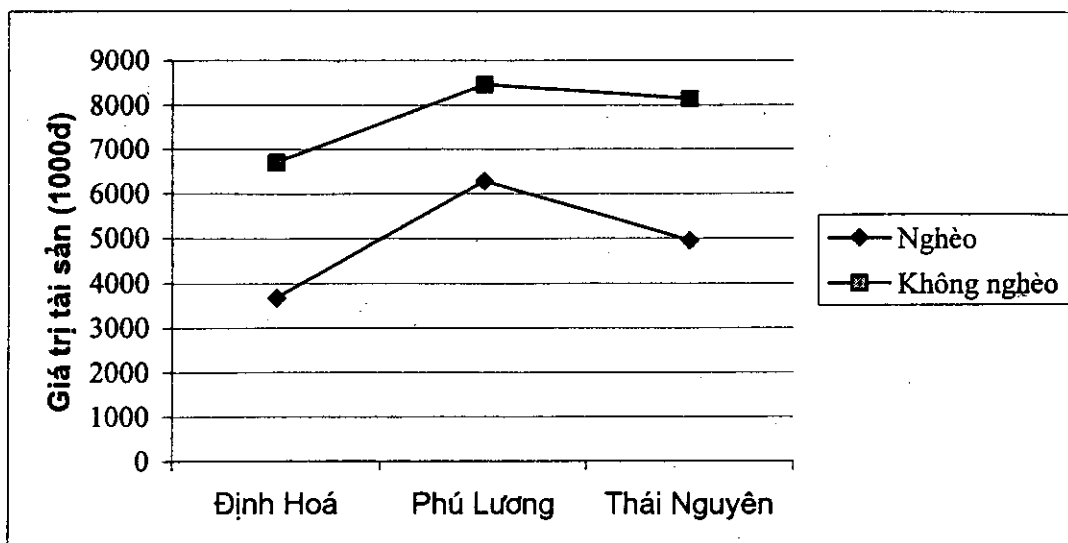
Chỉ tiêu	Định Hoá		Phú Lương		Tổng số	
	Nghèo	Không nghèo	Nghèo	Không nghèo	Nghèo	Không nghèo
Thu nhập BQ/người/tháng	116,50	395,18	121,42	335,91	118,92	365,10
Tổng giá trị tài sản	3666,24	6696,16	6268,50	8456,39	4947,75	8131,20
Chi đời sống bq/ng/tháng	181,23	209,71	169,08	214,84	175,22	212,31
- Ăn uống bq/ng/tháng	140,15	158,95	129,33	160,62	134,82	159,60
- % ăn uống/tổng chi tiêu	77,86	75,81	76,14	75,34	77,02	75,58

Nguồn: Số liệu điều tra

Để đánh giá mức độ nghèo đói của hộ gia đình, chúng tôi đã sử dụng một số chỉ tiêu như: thu nhập bình quân đầu người; tổng giá trị tài sản phục vụ đời sống; chi tiêu đời sống bình quân kết quả nghiên cứu cho thấy:

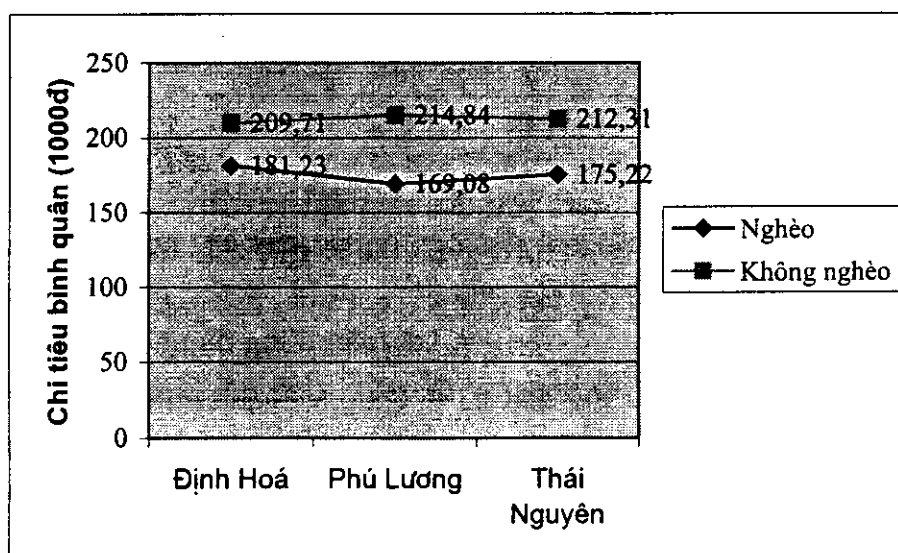
\* Thu nhập bình quân đầu người/tháng đã có sự khác biệt rõ rệt giữa nhóm hộ nghèo và nhóm hộ không nghèo. Đối với nhóm hộ nghèo của huyện Định Hoá mức thu nhập bình quân là 116,50 ngàn đồng/người/ tháng, huyện Phú Lương là 121,42 ngàn đồng/người/ tháng, bình quân cả tỉnh là 118,92 ngàn đồng. Thu nhập bình quân của nhóm hộ không nghèo toàn tỉnh là 365,10 ngàn đồng. Qua đây ta thấy, mức thu nhập bình quân giữa nhóm hộ nghèo, nhóm hộ không nghèo của hai huyện Phú Lương và Định Hoá là tương đồng với nhau, mức chênh lệch không đáng kể. Thu nhập giữa các nhóm hộ không nghèo cũng không có sự chênh lệch lớn. Điều đó chứng tỏ, việc lựa chọn hai huyện hoàn toàn phản ánh được thực tế của miền núi tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra, mức độ chênh lệch khá lớn về thu nhập giữa nhóm hộ nghèo và nhóm hộ không nghèo, điều này gây nhiều khó khăn cho công tác xoá đói giảm nghèo của địa phương. Mức độ bất bình đẳng có xu hướng ngày càng tăng lên, chỉ số Gini tính toán là 0,37 tương đương với chỉ số bất bình đẳng của Việt Nam hiện nay.

\* Tổng giá trị tài sản phục vụ đời sống của người dân: Bên cạnh chỉ tiêu về thu nhập, mức độ trang bị tài sản phục vụ đời sống cũng được coi là tiêu chí quan trọng đánh giá mức sống dân cư.



Qua đồ đã phản ánh mức chênh lệch về trang bị tài sản phục vụ đời sống của người dân giữa các nhóm hộ và giữa các vùng có sự khác nhau khá lớn. Cụ thể nhóm hộ nghèo của huyện Định Hoá có tổng giá trị tài sản bình quân đạt 3666,24 nghìn đồng/hộ, trong khi đó nhóm hộ nghèo huyện Phú Lương đạt 6268,50 nghìn đồng/hộ. Khoảng cách giữa nhóm hộ nghèo và không nghèo cũng rất lớn. Cụ thể, mức trang bị bình quân của nhóm hộ nghèo trên toàn tỉnh là 4947,75 nghìn đồng/ hộ, trong khi đó mức trang bị của nhóm hộ khá là 8131,20 nghìn đồng/hộ. Từ kết quả nghiên cứu đưa ra kết luận: Một là, mức sống của người dân miền núi tỉnh Thái Nguyên tính trên khía cạnh phương tiện phục vụ cuộc sống có sự chênh lệch khá lớn giữa nhóm hộ nghèo và nhóm hộ không nghèo. Hai là, giữa hai huyện có điều kiện khác nhau về vị trí địa lý cũng có sự chênh lệch khá lớn về mức độ trang bị tài sản phục vụ cuộc sống.

\* Chi tiêu đời sống của hộ. Ngoài thu nhập, chi tiêu là một chỉ tiêu đánh giá nghèo đói khá chính xác. Thực tế nghiên cứu cho thấy việc thu thập các thông tin về thu nhập thường không chính xác bằng chi tiêu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ chênh lệch trong chi tiêu giữa các nhóm hộ không đáng kể. Cụ thể được phản ánh qua đồ thị sau:



Trong chỉ tiêu đời sống hàng của các nhóm hộ, chỉ tiêu lương thực, thực phẩm chiếm từ 75,58 % đến 77,02%, kết quả nghiên cứu này hoàn toàn phù hợp với giả thuyết rằng chỉ tiêu lương thực, thực phẩm chiếm 2/3 tổng chỉ tiêu hàng ngày của hộ. Tuy nhiên, kết quả này cho ta thấy, đối với nhóm hộ nghèo, chỉ tiêu lương thực thường chiếm cao hơn (77,02%) so với nhóm hộ không nghèo (75,58%), kết quả này phù hợp với thực tế của địa phương.

Từ thực trạng nghèo đói của các nhóm hộ gia đình trên địa bàn miền núi tỉnh Thái Nguyên, để đưa ra được những giải pháp nhằm giảm nghèo, chúng ta phải đi tìm hiểu và phân tích các nguyên nhân chính dẫn đến nghèo đói của hộ.

## 2.2. Nguyên nhân nghèo đói của hộ gia đình nông dân miền núi tỉnh Thái Nguyên

Trong quá trình điều tra khảo sát 400 hộ gia đình, chúng tôi đã tổng hợp được những nguyên nhân cơ bản gây ra tình trạng nghèo trên địa bàn như sau:

**Bảng 2. Tổng hợp nguyên nhân nghèo của hộ**

Nguyên nhân	Định Hoá	Phụ Lương	Tổng
Thiếu vốn	168	151	319
Thiếu đất canh tác	166	144	310
Thiếu hiểu biết trong sản xuất	140	142	282
Thiếu tài sản phục vụ sản xuất	135	116	251
Thiếu lao động lúc thời vụ	127	100	227
Không có việc làm ngoài nông nghiệp	119	98	217
Thiên tai, rủi ro	78	109	187
Có người nghiện rượu không làm việc	64	119	183
Gia đình có người hay cờ bạc	61	57	118
Nguyên nhân khác	50	46	96

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra

Như vậy, những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nghèo của các hộ gia đình là: thiếu vốn, thiếu đất canh tác, thiếu hiểu biết trong sản xuất, thiếu tài sản phục vụ sản xuất và không đủ lao động trong lúc thời vụ. Để có được kết luận đúng đắn hơn về các nhận xét này, chúng tôi ứng dụng phương pháp hồi quy để phân tích với biến phụ thuộc là thu nhập bình quân của hộ, các biến độc lập là: tuổi bình quân chủ hộ, diện tích đất nông nghiệp của hộ, số lượng thành viên của hộ, phương tiện sản xuất của hộ và vốn vay của hộ. Kết quả phân tích như sau:

Các biến	Hệ số hồi quy	Mức ý nghĩa thống kê	Ghi chú
Hệ số chặn	4.940	4.11E-37	***
Tuổi bình quân chủ hộ	0.273	0.004285	***
Thành viên của hộ	-0.239	0.001529	***
Diện tích đất nông nghiệp	0.158	4.99E-62	***
Phương tiện sản xuất	0.013	0.000492	***
Vốn vay	0.007	0.003073	***
R <sup>2</sup>	0.57		
Significance F	2.10778E-70		***
N	400		

\*\*\*: Độ tin cậy đạt 99,9%

R<sup>2</sup> bằng 0,57 có nghĩa là 57% sự biến động thu nhập bình quân đầu người của hộ chịu sự tác động của các yếu tố trong mô hình, còn lại do các yếu tố khác không nghiên cứu.

Với độ tin cậy đạt 99,9% cho thấy tồn tại mối tương quan giữa các biến trong mô hình, nói cách khác mô hình này chấp nhận được.

Với độ tin cậy đạt trên 99,9% cho kết quả:

- Khi tuổi trung bình của chủ hộ tăng 1% thì thu nhập bình quân đầu người tăng 0,273%. Có nghĩa chủ hộ có độ tuổi cao hơn thường có nhiều kinh nghiệm hơn trong điều hành gia đình cũng như tìm kiếm các cơ hội tạo ra thu nhập tốt hơn. Mặt khác các hộ gia đình mới được thành lập chủ hộ thường trẻ tuổi, do đó tích lũy ít, vốn ít dẫn đến khả năng nghèo cũng cao hơn.

- Khi số lượng thành viên của chủ hộ tăng lên 1%, thu nhập bình quân sẽ giảm đi 0,239%. Số lượng thành viên chính là mẫu số trong công thức tính thu nhập bình quân đầu người. Do vậy, những hộ gia đình nào đông con, ít lao động, nhiều khẩu ăn theo thì khả năng nghèo sẽ cao hơn. Kết quả này cho thấy cần phải làm tốt công tác kế hoạch hoá gia đình trong khu vực nông thôn miền núi tỉnh Thái Nguyên thật tốt hơn.

- Khi diện tích đất nông nghiệp tăng lên 1% thì thu nhập bình quân đầu người của hộ tăng lên 0,158%. Thu nhập của hộ nông dân miền núi tỉnh Thái Nguyên hầu hết từ sản xuất nông nghiệp. Do vậy, thiếu đất là nguyên nhân quan trọng dẫn đến nghèo của hộ. Tuy nhiên, do đặc thù địa bàn đồi núi nhiều, khả năng mở rộng diện tích đất phục vụ sản xuất là không thể, do đó chỉ có thể nâng cao năng suất ruộng đất mới có thể giúp người dân thoát nghèo.

- Khi giá trị trang bị phương tiện sản xuất tăng lên 1% thì thu nhập bình quân đầu người sẽ tăng lên 0.013%.

- Khi vốn vay của hộ tăng lên 1% thì thu nhập bình quân của hộ sẽ tăng lên 0,007%. Điều này chứng tỏ nhận định ban đầu của người dân về nguyên nhân nghèo do thiếu vốn

là chính xác. Chúng ta có thể tác động bằng hình thức tín dụng để giúp giảm nghèo cho người dân.

Kết luận về nguyên nhân nghèo đói của hộ: Từ khảo sát thực tế đến kết quả phân tích trên mô hình, chúng tôi kết luận những nguyên nhân nghèo đói chính của các hộ gia đình nông dân miền núi tỉnh Thái Nguyên:

Một là, quy mô nhân khẩu của các hộ gia đình còn cao dẫn đến nhiều khẩu ăn theo, trong khi đó lại thiếu lao động khi thời vụ.

Hai là, diện tích đất sản xuất nông nghiệp ít, trong khi đó không có nhiều ngành nghề phụ trong khu vực nông thôn.

Ba là, trang thiết bị máy móc phục vụ sản xuất của hộ thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của hộ, dẫn đến năng suất lao động thấp, năng suất đất đai thấp.

Bốn là, người dân còn thiếu vốn cho sản xuất. Người dân đã được vay vốn ngân hàng song quy mô vốn vay không nhiều.

Năm là, các hộ còn thiếu kinh nghiệm trong sản xuất cũng như lựa chọn các kế sách nhằm tạo ra các khoản thu nhập cho hộ.

### **2.3. Từ kết quả phân tích, chỉ ra các nguyên nhân nghèo của hộ, chúng tôi đề xuất một số giải pháp giảm nghèo sau:**

Một là, cần tiếp tục triển khai mạnh mẽ và hiệu quả hơn nữa chính sách dân số, kế hoạch hoá gia đình.

Hai là, tăng cường thâm canh tăng vụ, nâng cao năng suất đất đai. Thực hiện bằng cách phát triển mạnh mẽ, hiệu quả hệ thống khuyến nông cơ sở, đưa các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất, đặc biệt là các loại giống mới năng suất cao, chất lượng tốt. Đầu tư xây dựng hệ thống thuỷ lợi đồng bộ nhằm chuyển đổi một phần lớn diện tích đất một vụ sang hai vụ, đối với những chân ruộng cao không thuận lợi cho phát triển sản xuất lúa có thể chuyển đổi mục đích sử dụng nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao.

Ba là, cần có chính sách giúp cho người dân phát triển nghề rừng, gắn kinh tế hộ gia đình với kinh tế vườn rừng. Đặc biệt cần quy hoạch phát triển các khu vực rừng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến.

Bốn là, cần xây dựng kế hoạch phát triển các ngành nghề phụ, tiểu thủ công nghiệp phù hợp với địa phương. Chú trọng đến ngành nghề mây tre đan vì đây là khu vực có nguồn nguyên liệu dồi dào, tuy nhiên còn hạn chế về kinh nghiệm và thị trường tiêu thụ.

Năm là, thực hiện tốt hơn nữa việc cung cấp tín dụng cho người dân. Đặc biệt quan tâm đến nâng cao quy mô vốn vay cho phù hợp với nhu cầu phát triển của hộ. Đối với các hộ nghèo thực sự khó khăn thì cần phải hướng dẫn hộ sử dụng vốn một cách hiệu quả.

Sáu là, cần tăng cường mở các lớp tập huấn về kỹ thuật cho người dân nông thôn.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động Thương binh & Xã hội (2003), Cơ sở lý luận và thực tiễn để từng bước đưa chuẩn nghèo của Việt Nam hoà nhập chuẩn nghèo Khu vực và Quốc tế. Hà Nội
2. Dương Chí Dũng, Luận văn thạc sỹ: Những giải pháp chủ yếu góp phần xoá đói giảm nghèo cho hộ nông dân ở huyện Châu Giang - tỉnh Hưng Yên. Hà Nội, 1998.
3. Nghèo. Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2004. Hà Nội 12/2003
4. Hồ Sỹ Quý (2004), Phát triển con người qua báo cáo thường niên về phát triển con người của UNDP. Hà Nội
5. Số liệu thống kê xoá đói giảm nghèo giai đoạn 1998 2000 và 2001 2003. NXB Lao động Xã hội, 2004